

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 01/02/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đăng Tỉnh và Bà Phan Thị Hồng Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST);** Địa chỉ: số A đường N, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Minh T** – sinh năm 1973; Địa chỉ: số B đường N, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng P** – sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn Phú Quý, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T trình bày: Ngày 15/8/2019, anh Nguyễn Hoàng P có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của anh P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 89.698.870đ (Tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn tám trăm bảy

mười đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, anh P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 42.697.009đ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh P vẫn không có thiện chí trả nợ. Vì anh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/10/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/02/2024, anh P còn nợ Ngân hàng số tiền 143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc: 68.740.434đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), lãi quá hạn: 74.560.902đ (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng). Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc anh P phải trả toàn bộ số nợ nói trên cho Ngân hàng. Anh P có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày: Anh được biết tính đến ngày xét xử 01/02/2024, anh còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) số tiền: nợ gốc 68.780.434đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 74.560.902 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng). Tổng cộng: 143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Anh thừa nhận có nợ Ngân hàng số nợ trên. Vì anh đang trong giai đoạn khó khăn nên không thể có tiền để trả nợ Ngân hàng. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 01/02/2024 là 143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P trả tiền vay tài sản theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tuy

An, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) và anh Nguyễn Hoàng P có hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng lập ngày 15/8/2019. Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 01/02/2024, anh P còn nợ Ngân hàng số tiền 143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 68.780.434đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 74.560.902 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng). Anh P thừa nhận có nợ tiền hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng số tiền 143.341.336đ nhưng không trả nợ cho Ngân hàng là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Anh P trình bày vì hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả nợ cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh P.

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 68.780.434đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 74.560.902 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $143.341.336đ \times 5\% = 7.167.066đ$ (Bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng P. Buộc anh P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân

hàng số tiền **143.341.336đ (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng)**, trong đó: nợ gốc 68.780.434đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 74.560.902 (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu **7.167.066đ (Bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần ST (ST) 2.769.626 (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2022/0003370 ngày 17/3/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh PY;
- VKSND huyện;
- THADS huyện; THADS tp. Đ, tp. HCM
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương